

Bài 2. HÀNG HOÁ – TIỀN TỆ – THỊ TRƯỜNG

(3 tiết)

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS cần :

1. Về kiến thức

- Hiểu được khái niệm hàng hoá và hai thuộc tính của hàng hoá.
- Nêu được nguồn gốc, bản chất, chức năng của tiền tệ và quy luật lưu thông tiền tệ.
- Nêu được khái niệm thị trường, các chức năng cơ bản của thị trường.

2. Về kĩ năng

- Biết phân biệt giá trị với giá cả của hàng hoá.
- Biết nhận xét tình hình sản xuất và tiêu thụ một số sản phẩm hàng hoá ở địa phương.

3. Về thái độ

- Coi trọng đúng mức vai trò của hàng hoá, tiền tệ và sản xuất hàng hoá.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.101.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Trọng tâm kiến thức bài học

- Khái niệm hàng hoá, hai thuộc tính : giá trị sử dụng và giá trị của hàng hoá.
- Nguồn gốc, bản chất, chức năng của tiền tệ và quy luật lưu thông tiền tệ.
- Khái niệm thị trường và các chức năng cơ bản của thị trường.

Khi phân tích thuộc tính giá trị của hàng hoá, cần chú ý cả mặt chất và mặt lượng của giá trị.

b) Một số nội dung mới và khó

- Để thực hiện tốt bài giảng này, GV cần nắm vững một số nội dung sau :
- + Sự khác biệt (đối lập) giữa kinh tế tự nhiên và kinh tế hàng hoá.
- + Sự khác nhau giữa hàng hoá vật thể và hàng hoá dịch vụ.
- + Giá trị sử dụng của hàng hoá là phạm trù vĩnh viễn.
- + Giá trị của hàng hoá là phạm trù lịch sử.
- + Giá trị là nội dung, là cơ sở của giá trị trao đổi.
- + Sự phát triển liên tục của các hình thái giá trị dẫn đến sự ra đời của tiền tệ.
- + Vì sao vàng có được vai trò tiền tệ ?
- + Hàng hoá và tiền tệ đều biểu hiện quan hệ sản xuất xã hội giữa những người sản xuất và trao đổi hàng hoá.
- + Chức năng thực hiện (thừa nhận) của thị trường.
- Trong bài này, HS có thể đặt ra một số vấn đề đòi hỏi GV phải giải đáp, chẳng hạn : Kinh tế hàng hoá ra đời từ khi nào ? Trong lịch sử đã từng có những kiểu sản xuất hàng hoá nào ? Kinh tế thị trường có khác với kinh tế hàng hoá không ? Tại sao giá trị sử dụng là phạm trù vĩnh viễn, còn giá trị là phạm trù lịch sử ? Tiền giấy xuất hiện như thế nào ?...

Để giải quyết những vấn đề nêu trên, cần làm rõ một số ý cơ bản sau :

- + Buổi bình minh của xã hội loài người là kinh tế tự nhiên. Kinh tế hàng hoá chỉ ra đời, tồn tại và phát triển khi có đủ hai điều kiện : *một là*, sự phân công lao động xã hội ; *hai là*, sự tách biệt tương đối về kinh tế giữa những

người sản xuất hàng hoá (thể hiện ở sự xuất hiện chế độ tư hữu, hoặc các hình thức sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất).

+ Sản xuất hàng hoá ra đời từ cuối chế độ công xã nguyên thủy (thời kì tan rã của chế độ công xã nguyên thủy đã có đủ hai điều kiện nói trên làm xuất hiện kinh tế hàng hoá).

+ Trong các xã hội trước chủ nghĩa tư bản (CNTB) chủ yếu là kinh tế tự nhiên, cùng đồng thời tồn tại với kinh tế tự nhiên là kiểu sản xuất hàng hoá nhỏ (sản xuất hàng hoá giản đơn). Trong lịch sử sản xuất của xã hội loài người đã từng tồn tại 3 kiểu sản xuất hàng hoá : sản xuất hàng hoá nhỏ, sản xuất hàng hoá tư bản chủ nghĩa (TBCN), sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa (XHCN). Các kiểu sản xuất hàng hoá này khác nhau về mục đích, tính chất, phạm vi... của sản xuất hàng hoá.

Ví dụ : Mục đích của sản xuất hàng hoá nhỏ (giản đơn) nhằm có được giá trị sử dụng, không có tính chất bóc lột, phạm vi và quy mô sản xuất hàng hoá nhỏ ; Mục đích của sản xuất hàng hoá TBCN là mang lại giá trị và giá trị thặng dư cho nhà tư bản, mang tính chất bóc lột lao động làm thuê, phạm vi rộng và điển hình nhất trong lịch sử (mọi thứ trong CNTB đều là hàng hoá) ; Mục đích của sản xuất hàng hoá XHCN nhằm thoả mãn nhu cầu ngày càng cao về vật chất và tinh thần của mọi thành viên trong xã hội, không có tính chất bóc lột, có sự quản lí và phát triển có kế hoạch của nhà nước XHCN – nhà nước của dân, do dân và vì dân.

+ Kinh tế thị trường là giai đoạn phát triển cao của kinh tế hàng hoá. Hay nói cách khác, nền kinh tế hàng hoá phải phát triển đến một trình độ nhất định mới trở thành kinh tế thị trường. Chẳng hạn : Trình độ của lực lượng sản xuất là nền đại công nghiệp cơ khí ; Quan hệ sản xuất : đa dạng hoá các hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, trong đó sở hữu lớn chiếm ưu thế ; Cơ cấu kinh tế : công – nông nghiệp – dịch vụ ; Có đầy đủ các hình thái thị trường cơ bản và hoạt động đồng bộ : thị trường hàng tiêu dùng, thị trường tư liệu sản xuất, thị trường sức lao động, thị trường chứng khoán...

+ Tại sao nói giá trị sử dụng là phạm trù vĩnh viễn, còn giá trị là phạm trù lịch sử ? Giá trị sử dụng là công dụng của vật phẩm, những công dụng này do thuộc tính tự nhiên, vốn có của vật phẩm quy định, là nội dung vật chất của hàng hoá. Hay nói cách khác, giá trị sử dụng là mặt của cái của xã hội, nhờ việc tiêu dùng giá trị sử dụng mà đời sống của con người, xã hội ngày càng

phát triển phong phú. Vì vậy, giá trị sử dụng là một phạm trù vĩnh viễn. Giá trị là phạm trù lịch sử, bởi vì giá trị hàng hoá là lao động của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá, là biểu hiện quan hệ giữa những người sản xuất hàng hoá. Cho nên, chỉ trong điều kiện tồn tại sản xuất hàng hoá, sản phẩm sản xuất ra phải đem ra trao đổi, mua bán thì mới phải tính đến giá trị của nó.

+ Sự ra đời của tiền giấy : Trong lưu thông, lúc đầu tiền xuất hiện dưới hình thức vàng thoi, vàng nén. Dần dần nó được thay thế bằng tiền đúc. Để làm chức năng thước đo giá trị thì bản thân tiền tệ cũng phải được đo lường. Đơn vị đo lường tiền tệ là một trọng lượng nhất định của kim loại được dùng làm tiền tệ gọi là tiêu chuẩn giá cả của tiền tệ. Trong quá trình lưu thông, tiền đúc bị hao mòn dần và mất một phần giá trị của nó, nhưng vẫn được xã hội chấp nhận như còn đủ giá trị. Như vậy, giá trị thực của tiền tách rời giá trị danh nghĩa của nó. Thực tiễn này đã dẫn đến sự ra đời của tiền giấy. Tiền giấy gọn nhẹ, dễ mang theo hơn tiền đúc mà vẫn đảm nhiệm được chức năng phương tiện lưu thông. Nhưng bản thân tiền giấy không có giá trị thực như tiền vàng (không kể giá trị của vật liệu giấy dùng làm tiền). Tiền giấy chỉ là kí hiệu của giá trị và được công nhận trong phạm vi quốc gia.

2. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Bài này có nhiều khái niệm cơ bản, trừu tượng mà HS cần phải nắm vững để vận dụng. Do vậy, phương pháp dạy học chủ yếu là : thuyết trình, giảng giải kết hợp với so sánh, gợi mở, nêu vấn đề để dẫn dắt HS nắm được tính hệ thống, chặt chẽ của nội dung bài học. Đồng thời, trong quá trình phân tích, giảng giải, GV cần tích cực yêu cầu HS tìm ví dụ minh hoạ, liên hệ với thực tiễn để giúp HS phát huy tính chủ động, tích cực trong nhận thức.

– *Mục 1. Hàng hoá* : Có nhiều nội dung và khái niệm trừu tượng, vì vậy GV cần sử dụng nhiều sơ đồ, biểu bảng, mô hình, đồng thời ở mỗi ý phải có một vài ví dụ minh hoạ để giúp HS dễ tiếp thu.

– *Mục 2. Tiền tệ* : Khi trình bày các hình thái của giá trị, bản chất và các chức năng của tiền tệ, cần dùng phương pháp thuyết trình là chủ yếu, kết hợp với các sơ đồ, biểu bảng và ví dụ thực tiễn để minh hoạ. Cần chú ý trình tự của các hình thái giá trị và các chức năng của tiền tệ không được đảo lộn, bởi vì nó phản ánh sự phát triển liên tục từ thấp lên cao của sản xuất và trao đổi hàng hoá dẫn đến sự ra đời của tiền tệ và sự mở rộng dần các chức năng của tiền tệ.

– *Mục 3. Thị trường* : Là mục có nhiều nội dung gắn gũi với đời sống thực tiễn hàng ngày nên HS sẽ hứng thú học tập nếu GV chú ý giúp các em phương pháp quan sát, khái quát thực tiễn. Vì vậy, ở mục này cần chú ý sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề, phát huy tính chủ động, tích cực của HS tham gia vào việc trao đổi, thảo luận. Ngoài ra, nếu có điều kiện, nên tổ chức cho HS đi khảo sát thực tế thị trường để viết thu hoạch.

3. Về phương tiện dạy học

Cần dùng các phương tiện dạy học trực quan như chuẩn bị trước các sơ đồ, biểu bảng, hoặc dùng đèn chiếu, máy vi tính...

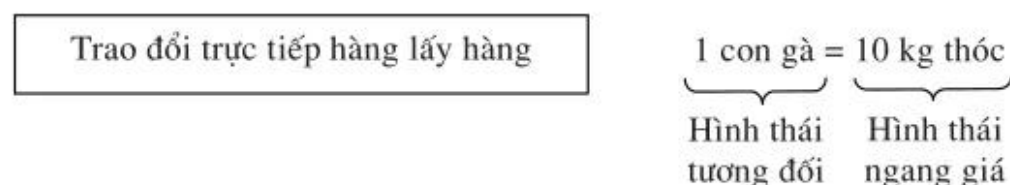
Chẳng hạn có thể dùng một số sơ đồ sau :

– **Sơ đồ về mối quan hệ giữa giá trị và giá trị trao đổi :**

Giá trị trao đổi (tỉ lệ trao đổi)	$1m vải = 5 kg thóc$	$1m vải = 10 kg thóc$	$2m vải = 5 kg thóc$
Giá trị (hao phí lao động)	$2 giờ = 2 giờ$	$2 giờ = 2 giờ$	$2 giờ = 2 giờ$

– **Sơ đồ về sự phát triển của các hình thái giá trị dẫn đến sự ra đời của tiền tệ :**

+ *Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên :*



+ *Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng :*

Trao đổi trực tiếp hàng lấy hàng

1 con gà = 10 kg thóc, hoặc = 5 kg chè, hoặc = 2 cái rìu, hoặc = 0,2 gam vàng...

+ *Hình thái chung của giá trị :*

Trao đổi gián tiếp thông qua một hàng hoá làm vật ngang giá chung

$$\begin{array}{l}
 1 \text{ con gà} \\
 10 \text{ kg thóc} \\
 5 \text{ kg chè} \\
 2 \text{ cái rìu} \\
 0,2 \text{ gam vàng} \\
 \dots
 \end{array}
 = \left. \begin{array}{l} = \\ = \\ = \\ = \\ = \end{array} \right\} 1 \text{ m vải}$$

+ Hình thái tiền tệ :

Vàng làm vật ngang giá chung cho sự trao đổi

$$\begin{array}{l}
 1 \text{ con gà} \\
 10 \text{ kg thóc} \\
 5 \text{ kg chè} \\
 2 \text{ cái rìu} \\
 1 \text{ m vải} \\
 \dots
 \end{array}
 = \left. \begin{array}{l} = \\ = \\ = \\ = \\ = \end{array} \right\} 0,2 \text{ gam vàng}$$

- Sơ đồ về các chức năng của tiền tệ :
- Thước đo giá trị
 - Phương tiện lưu thông
 - Phương tiện cất trữ
 - Phương tiện thanh toán
 - Tiền tệ thế giới

- Công thức của quy luật lưu thông tiền tệ :

$$M = \frac{P.Q}{V}$$

Trong đó : M là số lượng tiền cần thiết cho lưu thông

P là mức giá cả của đơn vị tiền tệ

Q là số lượng hàng hoá đem ra lưu thông

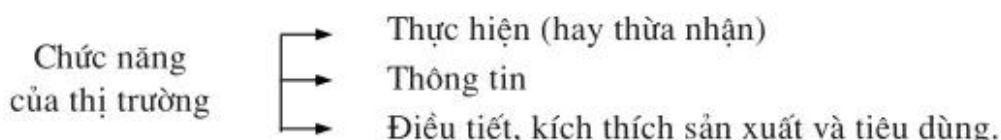
V là số vòng luân chuyển trung bình của một đơn vị tiền tệ

P.Q là tổng số giá cả của hàng hoá đem lưu thông.

Như vậy, M tỉ lệ thuận với P.Q, tỉ lệ nghịch với V

Có thể giải thích cho HS hiểu công thức này như sau : Khi tổng số giá cả của hàng hoá đem lưu thông tăng lên thì số lượng tiền cần thiết cho lưu thông phải nhiều lên. Còn khi số vòng luân chuyển trung bình của một đơn vị tiền tệ tăng lên thì số lượng tiền cần thiết cho lưu thông sẽ giảm đi.

– Sơ đồ về các chức năng của thị trường :



4. Về kiểm tra, đánh giá

a) Gợi ý trả lời một số câu hỏi và làm bài tập

Câu 3 : Tại sao giá trị của hàng hoá không do thời gian lao động cá biệt quyết định, mà do thời gian lao động xã hội (LĐXH) cần thiết quyết định ?

Do sự phân công LĐXH nên trong xã hội có rất nhiều ngành, nghề khác nhau, sản xuất ra nhiều thứ hàng hoá khác nhau. Đồng thời, cũng có rất nhiều người cùng tham gia sản xuất một loại hàng hoá. Nhưng do sự khác nhau về : điều kiện sản xuất, trang thiết bị và kĩ thuật – công nghệ, trình độ tay nghề, trình độ tổ chức quản lí sản xuất... nên cùng sản xuất ra một đơn vị sản phẩm có chất lượng như nhau, nhưng hao phí lao động cá biệt của từng người sản xuất lại không giống nhau. Vì vậy, không thể căn cứ vào thời gian lao động cá biệt của từng người để trao đổi các hàng hoá với nhau, mà phải căn cứ vào thời gian LĐXH cần thiết.

Thời gian LĐXH cần thiết được xác định bởi điều kiện sản xuất trung bình trong một bối cảnh xã hội nhất định là cơ sở để bình tuyển, phân hoá những người sản xuất. Người sản xuất nào có điều kiện sản xuất kém hơn điều kiện trung bình của xã hội sẽ bị thua lỗ và ngược lại. Hơn nữa, thời gian LĐXH cần thiết để sản xuất hàng hoá cũng luôn thay đổi nên buộc mọi người sản xuất phải thường xuyên cố gắng để giá trị cá biệt hàng hoá của mình ít nhất là bằng và càng thấp hơn giá trị xã hội của hàng hoá càng tốt.

Câu 7 : Tại sao nói giá cả là "mệnh lệnh" của thị trường đối với mọi người sản xuất và lưu thông hàng hoá ?

Giá cả là phong vũ biểu, là sự phản ánh tập trung và rõ nét nhất tình hình của thị trường. Mọi người sản xuất và trao đổi hàng hoá muốn giành được lợi ích lớn nhất thì phải căn cứ vào sự vận động của giá cả để điều chỉnh hành vi sản xuất – kinh doanh cho phù hợp. Giả sử có một hàng hoá nào đó có giá cả cao, bán chạy, lãi nhiều thì người đang sản xuất hàng hoá đó sẽ mở rộng quy mô sản xuất để sản xuất ra hàng hoá đó nhiều hơn. Đồng thời, những người đang sản xuất những mặt hàng giá cả thấp, bán chậm, lãi ít thì phải thu hẹp quy mô sản xuất, thậm chí phải đóng cửa doanh nghiệp để chuyển sang sản xuất, kinh doanh mặt hàng đang có giá cả cao, bán chạy, lãi nhiều... Sự thay đổi của giá cả làm cho các yếu tố sản xuất được di chuyển từ ngành này sang ngành khác, làm cho ngành này được mở rộng, ngành khác bị thu hẹp. Sự thay đổi của giá cả cũng làm cho hàng hoá được luân chuyển từ nơi có giá cả thấp đến nơi có giá cả cao, từ nơi này sang nơi khác (nêu một số ví dụ minh hoạ).

Câu 9 : Hãy nêu một số ví dụ về sự vận dụng các chức năng của thị trường đối với người sản xuất và người tiêu dùng.

Để giải quyết câu hỏi này, các em căn cứ vào từng chức năng, hoặc tổng hợp các chức năng của thị trường để chỉ ra một vài hình thức vận dụng, tự điều tiết hành vi sản xuất, kinh doanh của người sản xuất, hoặc hành vi mua bán của người tiêu dùng để mang lại lợi ích lớn nhất cho họ. Chẳng hạn, người sản xuất phải thường xuyên bám sát nhu cầu của thị trường, tích cực cải tiến kĩ thuật, mẫu mã ; chủng loại hàng hoá phải đa dạng, linh hoạt trong việc định giá... Người tiêu dùng cần phải điều chỉnh nhu cầu của mình, mua hàng hoá đúng lúc...

b) *Gợi ý kiểm tra, đánh giá*

– Cần quán triệt một số yêu cầu về kiểm tra, đánh giá môn Giáo dục công dân (như đã gợi ý ở Bài 1 : Công dân với sự phát triển kinh tế).

– Ngoài những câu hỏi và bài tập đã nêu ở SGK, giáo viên có thể tham khảo thêm một số câu hỏi nhằm phát huy tính tích cực, độc lập suy nghĩ sáng tạo và liên hệ với thực tiễn như sau :

1. Tại sao nói hàng hoá là một phạm trù lịch sử ?
2. Em hãy so sánh những điểm giống và khác nhau giữa hàng hoá vật thể và hàng hoá dịch vụ.

3. Giá trị của hàng hoá có đồng nhất với giá cả của hàng hoá không ? Vì sao ?
4. Giải thích và nêu một số ví dụ về : hàng hoá là sự thống nhất của hai thuộc tính ; giá trị sử dụng và giá trị, mà thiếu một trong hai thuộc tính thì sản phẩm không thể trở thành hàng hoá ?
5. Em hãy cho biết có thể trình bày sự phát triển các hình thái của giá trị dẫn đến sự ra đời của tiền tệ và các chức năng của tiền tệ khác với trình tự trình bày của SGK được không ? Vì sao ?
6. Mỗi công dân cần phải làm gì để góp phần tăng tốc độ lưu thông của tiền tệ, khắc phục lạm phát ?
7. Em có suy nghĩ gì khi xem hai hình ảnh về thị trường trong bài học này ?

– Trong 10 câu hỏi và bài tập nêu trong SGK cho ta thấy : Câu 1, 2 kiểm tra, đánh giá về kĩ năng phân tích và lấy ví dụ để làm rõ nội dung học tập ; Câu 3, 7 kiểm tra, đánh giá về trình độ tư duy, nắm vững sâu và chắc nội dung bài học ; Câu 4, 5, 6, 8 kiểm tra, đánh giá về mức độ hiểu nội dung bài học một cách có hệ thống về lí luận và liên hệ với thực tiễn đời sống ; Câu 9 kiểm tra được kĩ năng vận dụng nội dung học tập và đời sống ; Câu 10 kiểm tra, đánh giá về thái độ, hành vi của học sinh đối với xã hội.

– Trong 7 câu hỏi bổ sung : Câu 1, 3, 4 kiểm tra, đánh giá về mức độ nắm vững sâu và chắc về kiến thức ; Câu 2 kiểm tra, đánh giá về kĩ năng so sánh nội dung học tập ; Câu 5 kiểm tra học sinh hiểu bài học một cách có hệ thống ; Câu 6 kiểm tra thái độ và hành vi của học sinh trên cơ sở biết vận dụng lí luận vào thực tiễn ; Câu 7 kiểm tra, đánh giá về khả năng tư duy sáng tạo của học sinh trong quá trình học tập.

III – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở bài

Ngoài cách mở đầu bài học trong SGK, còn có thể mở đầu bài học như sau :

Nếu như trước đây, cơ chế kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp đã tạo cho người ta tâm lí trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, thì ngày nay trong cơ chế thị trường đòi hỏi mỗi người phải thực sự tích cực, năng động, tính toán sát thực đến hiệu quả kinh tế. Hay nói cách khác, để thích ứng với cuộc sống kinh tế thị trường, mỗi người cần phải hiểu rõ bản chất của các yếu tố cấu thành kinh tế

thị trường. Vậy hàng hoá là gì ? Tiền tệ là gì ? Thị trường là gì ? Có thể hiểu và vận dụng chúng như thế nào trong hoạt động sản xuất và đời sống ?

2. Phần tổ chức dạy học các đơn vị kiến thức

Bài này thực hiện trong 3 tiết :

+ Tiết 1 : Thực hiện mục I : Hàng hoá

+ Tiết 2 : Thực hiện mục II : Tiền tệ

+ Tiết 3 : Thực hiện mục III : Thị trường (sau mục này dành một lượng thời gian để củng cố, khắc sâu kiến thức của cả bài học).

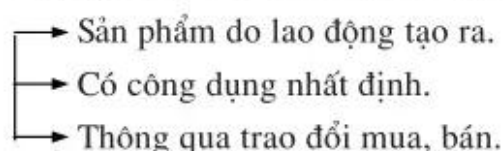
a) Dạy học đơn vị kiến thức 1 : Khái niệm hàng hoá.

* *Mức độ kiến thức :*

Hiểu được khái niệm hàng hoá.

* *Cách thức thực hiện :*

GV dùng sơ đồ về 3 điều kiện để sản phẩm trở thành hàng hoá :



Yêu cầu HS nêu những ví dụ thực tiễn để chứng minh rằng : Thiếu một trong ba điều kiện trên thì sản phẩm không thể trở thành hàng hoá. Đồng thời, rút ra kết luận : Hàng hoá chỉ là một phạm trù của lịch sử, bởi vì chỉ trong điều kiện sản xuất hàng hoá thì sản phẩm mới được coi là hàng hoá.

Hàng hoá không chỉ bao gồm sản phẩm mang tính vật thể, mà còn gồm cả những sản phẩm phi vật thể (hàng hoá dịch vụ). Nêu ví dụ về một số loại dịch vụ và một số đặc tính khác biệt của hàng hoá dịch vụ so với hàng hoá vật thể : tính vô hình, sản xuất và tiêu dùng diễn ra đồng thời với nhau, tính không thể dự trữ được...

b) Dạy học đơn vị kiến thức 2 : Hai thuộc tính của hàng hoá (giá trị sử dụng và giá trị).

* *Mức độ kiến thức :*

Hiểu được hai thuộc tính của hàng hoá, tính thống nhất và mâu thuẫn của chúng trong một hàng hoá.

** Cách thức thực hiện*

– *Giá trị sử dụng* : Phân tích khái niệm : "giá trị sử dụng" của hàng hoá là công dụng của vật phẩm có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người.

Dùng sơ đồ về nhu cầu của con người : nhu cầu sản xuất, nhu cầu tiêu dùng cá nhân (về vật chất, tinh thần), yêu cầu HS lấy ví dụ về một số sản phẩm thoả mãn từng mặt nhu cầu nói trên.

Phân tích các khía cạnh về giá trị sử dụng và mỗi khía cạnh cần nêu một số ví dụ minh hoạ : Một hàng hoá có một hoặc nhiều giá trị sử dụng ; Giá trị sử dụng được phát hiện dần cùng với sự phát triển của khoa học – kĩ thuật ; Giá trị sử dụng không phải cho người sản xuất ra hàng hoá đó mà cho người mua, cho xã hội ; Vật mang giá trị sử dụng cũng đồng thời là vật mang giá trị trao đổi.

– *Giá trị của hàng hoá* : Giá trị của hàng hoá được biểu hiện thông qua giá trị trao đổi. GV nêu sơ đồ về mối quan hệ giữa giá trị trao đổi với giá trị.

Ví dụ :

$$\underbrace{1\text{ m vải}} = \underbrace{5\text{ kg thóc}}, \text{ hoặc } \underbrace{1\text{ m vải}} = \underbrace{10\text{ kg thóc}}, \text{ hoặc } \underbrace{2\text{ m vải}} = \underbrace{5\text{ kg thóc}}, \dots$$

(2 giờ) = (2 giờ) (2 giờ) = (2 giờ) (2 giờ) = (2 giờ)

Phân tích ví dụ này cho HS hiểu được trên thị trường người ta trao đổi hàng hoá với nhau theo những tỉ lệ nhất định (có thể thay đổi) nhưng về thực chất là trao đổi những lượng lao động hao phí bằng nhau ẩn chứa (kết tinh) trong các hàng hoá ấy.

Cũng có thể tiếp tục khai thác ví dụ này, hoặc dùng thêm các ví dụ khác để làm rõ từng khía cạnh sau của giá trị hàng hoá : Giá trị hàng hoá là lao động của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá ; Giá trị là nội dung, là cơ sở của giá trị trao đổi ; Giá trị hàng hoá biểu hiện mối quan hệ sản xuất giữa những người sản xuất hàng hoá ; Giá trị là một phạm trù lịch sử.

+ *Lượng giá trị của hàng hoá* : Lượng giá trị của hàng hoá không phải được tính bằng thời gian lao động cá biệt, mà tính bằng thời gian LĐXH cần thiết để sản xuất ra hàng hoá. Để làm rõ vấn đề này, trước hết GV nêu khái niệm "thời gian LĐXH cần thiết", sau đó nêu ví dụ để thể hiện : Thông thường thì thời gian LĐXH cần thiết để sản xuất ra hàng hoá gắn sát với thời gian lao động cá biệt của người sản xuất và cung cấp đại bộ phận hàng hoá đó trên thị trường quyết định. Giả sử có 3 người cùng sản xuất một loại vải có chất lượng như nhau, nhưng để sản xuất ra 1 mét vải thì người A có hao phí lao động cá biệt là 2 giờ,

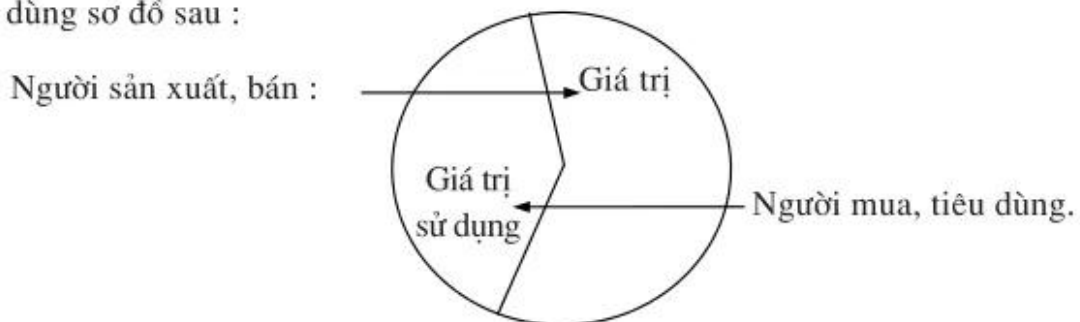
người B có hao phí lao động cá biệt là 3 giờ, người C có hao phí lao động cá biệt là 4 giờ. Ở đây, xét về thời gian lao động hao phí thì người B ở mức trung bình, nếu người B cũng đồng thời sản xuất và cung ứng đại bộ phận số vải trên thị trường thì thời gian LĐXH cần thiết để sản xuất ra 1 mét vải là 3,05 giờ gần trùng khớp với thời gian lao động cá biệt của người B (3 giờ). Nhưng nếu người C sản xuất và cung ứng đại bộ phận số vải trên thị trường thì thời gian LĐXH cần thiết để sản xuất ra vải gần sát với thời gian lao động cá biệt của người C (3,6 giờ ... gần sát với 4 giờ). Ví dụ về cách tính thời gian LĐXH cần thiết :

- Giả sử tổng số vải được sản xuất và cung ứng trên thị trường là 100 mét, trong đó nếu người A sản xuất được 10 mét thì tổng giá trị của người A là : $10 \text{ mét} \times 2 \text{ giờ} = 20 \text{ giờ}$. Nếu người B sản xuất 75 mét thì tổng giá trị của người B là : $75 \text{ mét} \times 3 \text{ giờ} = 225 \text{ giờ}$. Nếu người C sản xuất 15 mét thì tổng giá trị của người C là : $15 \text{ mét} \times 4 \text{ giờ} = 60 \text{ giờ}$. Tổng giá trị của 3 người A, B, C là : $20 \text{ giờ} + 225 \text{ giờ} + 60 \text{ giờ} = 305 \text{ giờ}$. Giá trị trung bình (hay thời gian LĐXH cần thiết) của 1 mét vải là : $305 \text{ giờ} : 100 \text{ mét} = 3,05 \text{ giờ}$ (gần sát với 3 giờ của người B).

- Nếu người C sản xuất và cung ứng đại bộ phận số vải thì – tương ứng cách tính trên : giả sử người A sản xuất được 10 mét vải, người B sản xuất được 15 mét, người C sản xuất được 75 mét thì giá trị trung bình (hay thời gian LĐXH cần thiết) của 1 mét vải là 3,65 giờ (gần sát với 4 giờ của người C).

Từ đó rút ra kết luận : Để sản xuất có lãi và giành được ưu thế trong cạnh tranh thì mọi người sản xuất phải cố gắng tìm mọi cách làm cho giá trị cá biệt hàng hoá của mình càng thấp hơn giá trị xã hội của hàng hoá càng tốt.

+ *Tính thống nhất và mâu thuẫn giữa hai thuộc tính của hàng hoá* : GV có thể dùng sơ đồ sau :



Từ sơ đồ này, kết hợp với lấy ví dụ thực tiễn để minh hoạ, GV làm cho HS hiểu được tính thống nhất và mâu thuẫn giữa hai thuộc tính của hàng hoá : giá trị

sử dụng và giá trị cùng tồn tại thống nhất trong một hàng hoá, nhưng đó là sự thống nhất của hai mặt đối lập, thiếu một trong hai thuộc tính thì sản phẩm không thể trở thành hàng hoá. Chẳng hạn : ánh sáng, không khí,... có rất nhiều công dụng, nhưng nó không phải là sản phẩm của lao động nên không phải là hàng hoá, việc tiêu dùng nó không phải thanh toán giá trị. Ngược lại, một sản phẩm nào đó mất rất nhiều sức lao động mới làm ra được, nhưng không có công dụng và lợi ích nên không thể đem trao đổi – mua bán được thì cũng không thể trở thành hàng hoá. Tính thống nhất và mâu thuẫn giữa hai thuộc tính của hàng hoá biểu hiện về mặt xã hội là : người sản xuất ra hàng hoá để bán, tức là họ đã tạo ra giá trị sử dụng nhưng mục đích của họ là giá trị. Ngược lại, người mua cần giá trị sử dụng, nhưng để có giá trị sử dụng thì phải thực hiện được giá trị của hàng hoá (mua được hàng hoá đó). Như vậy, quá trình thực hiện giá trị được tiến hành trước và diễn ra trên thị trường, còn quá trình thực hiện giá trị sử dụng diễn ra sau và trong lĩnh vực tiêu dùng. Sự khác nhau về không gian và thời gian của việc thực hiện giá trị và giá trị sử dụng của hàng hoá thể hiện rõ nét nhất mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa những người sản xuất hàng hoá. Đó cũng là nguyên nhân gây ra khủng hoảng kinh tế trong nền sản xuất hàng hoá. Nếu hàng hoá không bán được thì người sản xuất hàng hoá bị thua lỗ, phá sản, của cải vật chất của xã hội bị lãng phí.

Từ đó rút ra kết luận : Hàng hoá được sản xuất ra trong nền kinh tế thị trường không phải cho nhu cầu nói chung, mà chỉ đáp ứng nhu cầu có khả năng thanh toán. Hàng hoá biểu hiện quan hệ sản xuất xã hội giữa những người sản xuất và trao đổi hàng hoá.

c) *Dạy học đơn vị kiến thức 3* : Nguồn gốc, bản chất và chức năng của tiền tệ.

* *Mức độ kiến thức* :

Nêu được nguồn gốc, bản chất và chức năng của tiền tệ.

* *Cách thức thực hiện* :

– Trình bày sự phát triển liên tục của các hình thái giá trị dẫn đến sự ra đời của tiền tệ. Khi giảng giải nội dung của từng hình thái giá trị, cần chuẩn bị sẵn sơ đồ minh họa, kết hợp với nêu ví dụ thực tế để chứng minh, phát huy tính tích cực tham gia phát biểu ý kiến của HS. Trong các hình thái của giá trị thì hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên, hình thái tiền tệ là những hình thái có tính phức tạp và trừu tượng hơn nên cần tập trung làm rõ.

– Sau khi làm sáng tỏ các hình thái giá trị thì đi đến kết luận về bản chất của tiền tệ. GV cần phân tích và nêu ví dụ minh họa cho từng ý trong khái niệm về bản chất của tiền tệ. Bản chất của tiền tệ còn được thể hiện cụ thể hơn trong các chức năng của tiền tệ.

Các chức năng của tiền tệ : GV cần nêu nhiều ví dụ thực tiễn khi phân tích lần lượt từng chức năng của tiền tệ. Trong 5 chức năng của tiền tệ, cần chú ý đầu tư thời gian vào chức năng thước đo giá trị, chức năng phương tiện lưu thông, chức năng tiền tệ thế giới, vì đây là 3 chức năng có nội dung phong phú và trừu tượng, đồng thời đề cập đến sự ra đời của tiền giấy.

d) *Dạy học đơn vị kiến thức 4* : Quy luật lưu thông tiền tệ.

* *Mức độ kiến thức* :

Nêu được quy luật lưu thông tiền tệ.

* *Cách thức thực hiện* :

GV đưa ra công thức lưu thông tiền tệ để phân tích. Ở nội dung này, GV cần chú ý làm rõ sự khác nhau giữa lưu thông tiền vàng với lưu thông tiền giấy, hiện tượng lạm phát và hậu quả của nó đối với đời sống xã hội. Từ vấn đề này, yêu cầu HS liên hệ : Tại sao nói tích cực gửi tiền tiết kiệm vào ngân hàng là ích nước, lợi nhà ? Bởi lẽ, khi gửi tiền tiết kiệm vào ngân hàng sẽ làm cho tiền được lưu thông liên tục thì nhà nước không phải phát hành thêm tiền giấy cho lưu thông và sẽ khắc phục lạm phát. Hơn nữa khi tiền được gửi vào ngân hàng sẽ được nhà nước đầu tư cho phát triển kinh tế – xã hội, còn người gửi tiền sẽ có lợi tức. Ngoài hình thức gửi tiền tiết kiệm, mỗi người có thể dùng tiền đầu tư cho sản xuất kinh doanh, mua công trái, cổ phiếu, hoặc mở tài khoản tại ngân hàng... đều có ý nghĩa tích cực góp phần tăng lưu thông tiền tệ, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước.

e) *Dạy học đơn vị kiến thức 5* : Khái niệm thị trường và các chức năng cơ bản của thị trường.

* *Mức độ kiến thức* :

Nêu được khái niệm và các chức năng cơ bản của thị trường.

* *Cách thức thực hiện* :

– *Khái niệm thị trường*. Trước hết, GV cần phải làm rõ sự xuất hiện và phát triển của thị trường gắn liền với sự ra đời và phát triển của sản xuất và lưu thông

hàng hoá. Yêu cầu HS lấy ví dụ về thị trường ở dạng giản đơn (hữu hình), sơ khai gắn với không gian, thời gian nhất định. Sau đó GV nêu và phân tích một số dạng thị trường hiện đại có tính chất môi giới, trung gian, vô hình (thị trường nhà đất, chất xám...). Trong khi phân tích các dạng thị trường từ giản đơn đến hiện đại, luôn phải chú ý cho HS thấy rằng dù ở dạng thị trường nào thì cũng luôn có sự tác động qua lại của các yếu tố cấu thành thị trường như : hàng hoá, tiền tệ, người mua, người bán, dẫn đến quan hệ cung – cầu, xác định giá cả và số lượng hàng hoá được trao đổi mua bán. Từ sự phân tích trên dẫn dắt HS rút ra khái niệm thị trường là lĩnh vực (hay quá trình) diễn ra việc trao đổi, mua bán, mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ.

Trong khái niệm trên, cần chú ý làm rõ "các chủ thể kinh tế" của thị trường gồm người bán, người mua, cá nhân, doanh nghiệp, cơ quan, nhà nước... tham gia vào mua bán, trao đổi trên thị trường.

– *Các chức năng cơ bản của thị trường* : Nội dung này gắn gũi với thực tiễn nên GV dùng phương pháp gợi mở, dẫn dắt cho HS trao đổi, lấy dẫn chứng để phân tích và minh hoạ. Trong từng chức năng, cần nhấn mạnh những khía cạnh cơ bản sau :

+ Chức năng thực hiện (hay thừa nhận) : Cần xem xét trên hai thuộc tính : giá trị và giá trị sử dụng của hàng hoá. Nếu hàng hoá bán được tức là xã hội thừa nhận hàng hoá đó phù hợp với nhu cầu của thị trường thì giá trị của nó được thực hiện (người sản xuất ra hàng hoá được bù đắp giá trị), hàng hoá đó có ích cho xã hội và ngược lại.

+ Chức năng thông tin (có thể cho HS tập sự khảo sát thị trường) để nắm được các thông tin của thị trường. Ở đây cần chú ý : thông tin về "cơ cấu" hàng hoá thể hiện sự đa dạng, nhiều mặt hàng hoá khác nhau phục vụ cho cơ cấu tiêu dùng, còn "chủng loại" nói về sự phong phú của một mặt hàng nào đó, ví dụ : quạt cây, quạt trần, quạt thông gió, quạt treo tường...

+ Chức năng điều tiết (kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng). Trong chức năng này chú ý sự tác động của giá cả đến việc điều tiết các yếu tố sản xuất, điều tiết lưu thông hàng hoá trong xã hội. Một sự tăng lên hay giảm đi của giá cả đều gây ra tác động trái ngược nhau đến việc sản xuất hoặc tiêu dùng về một loại hàng hoá nào đó. Yêu cầu HS lấy ví dụ minh họa cho các tác động trên của giá cả.

+ Sự cần thiết khách quan phải vận dụng các chức năng của thị trường trong đời sống kinh tế – xã hội. Đây là một nội dung quan trọng có ý nghĩa thiết thực. Vì vậy, trong khi phân tích từng chức năng của thị trường, cần chỉ cho HS thấy được người sản xuất phải làm gì để có lãi nhất, người tiêu dùng phải làm thế nào để mua được hàng hoá rẻ, tốt, phù hợp với nhu cầu. Vận dụng các chức năng thị trường của Nhà nước được thể hiện qua những chính sách kinh tế – xã hội nào ?

3. Phần củng cố

– Yêu cầu HS lên bảng vẽ lại các sơ đồ về : Các điều kiện để sản phẩm trở thành hàng hoá ; Các nhu cầu của con người ; Mối quan hệ giữa giá trị trao đổi và giá trị ; Nêu ví dụ về việc xác định thời gian LĐXH cần thiết ; Sự thống nhất và mâu thuẫn giữa hai thuộc tính của hàng hoá ; Các hình thái giá trị ; Các chức năng của tiền tệ ; Quy luật lưu thông tiền tệ ; Các chức năng của thị trường... Các HS khác chú ý theo dõi và bổ sung.

– Có thể cho HS đi khảo sát thị trường, viết thu hoạch, sau đó trao đổi, thảo luận về các chức năng của thị trường và vai trò của thị trường.

IV – TƯ LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình *Kinh tế chính trị Mác – Lê-nin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999 (tr. 116 – tr. 152).

2. *Chủ nghĩa Mác – Lê-nin và một số vấn đề lí luận, thực tiễn ở Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997 (tr. 131 – tr. 214).

3. C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, Tập 23, (tr. 61 – tr. 131).

4. P.A. Sa-mu-el-son : *Kinh tế học*, (tr. 50 – tr. 61), Viện quan hệ Quốc tế (dịch), Tập 1, 1989.

5. C. Mác : "Một vật có thể là một giá trị sử dụng mà lại không phải là một giá trị. Đó là trường hợp khi sự có ích của vật ấy đối với con người không phải do lao động tạo ra. Ví dụ như : không khí, đất hoang chưa khai phá, đồng cỏ tự nhiên, rừng hoang... Một vật có thể có ích và là sản phẩm lao động của con người, nhưng lại không phải là hàng hoá. Người nào làm ra sản phẩm để thoả mãn nhu cầu của bản thân mình thì người đó chỉ tạo ra một giá trị sử dụng chứ không phải là một hàng hoá... Muốn sản phẩm trở thành hàng hoá thì sản phẩm

phải được chuyển vào tay người khác, những người dùng nó làm giá trị sử dụng, bằng con đường trao đổi. Cuối cùng, một vật không thể là một giá trị được, nếu nó không phải là một vật phẩm tiêu dùng. Nếu vật đó là vô dụng thì lao động chứa đựng trong vật đó cũng vô dụng, nó không được kể là lao động và vì vậy mà không tạo ra một giá trị nào cả"⁽¹⁾.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam : "Sản xuất hàng hoá không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng"⁽²⁾.